

Số: *119* /TTr-PHHK

Hương Khê, ngày *13* tháng 8 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững
đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất giai đoạn 2021 - 2030**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững;

Ban quản lý Rừng phòng hộ Hương Khê kính đề nghị UBND tỉnh phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất giai đoạn 2021 - 2030, với các nội dung như sau:

1. Tên Chủ rừng: Ban quản lý Rừng phòng hộ Hương Khê.

2. Địa chỉ: Thị trấn Hương Khê - huyện Hương Khê - tỉnh Hà Tĩnh.

3. Hiện trạng tài nguyên rừng và kết quả quản lý bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, hiệu quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng:

a. Hiện trạng tài nguyên rừng: Tổng diện tích đất lâm nghiệp Ban quản lý sử dụng là 31.276 ha, trong đó diện tích đất có rừng: 31.014 ha, chiếm 99,16% diện tích đất lâm nghiệp, được phân ra:

- Đất có rừng tự nhiên 25.100 ha (chiếm 80,25%) trong đó: Rừng phòng hộ: 22.524ha, sản xuất: 2.575,0 ha.

- Đất có rừng trồng: 5.915 ha (chiếm 18,91%) trong đó: Rừng phòng hộ: 1.786 ha; sản xuất: 4.128 ha.

- Diện tích đất chưa có rừng: 262,0 ha (chiếm 0,84%), trong đó: Rừng phòng hộ: 142 ha; rừng sản xuất: 120 ha.

b. Kết quả quản lý bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, hiệu quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng.

Trong những năm qua được sự quan tâm giúp đỡ của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, chính quyền địa phương cùng các ngành chức năng nên đơn vị đã thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng; năng suất, chất lượng và giá trị của rừng ngày càng được cải thiện; tạo việc làm, nâng

cao thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo cho nhân dân trong vùng, đảm bảo an ninh quốc phòng.

4. Mục tiêu của phương án

4.1. Mục tiêu chung: Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đặc biệt là rừng tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng; bảo tồn phát triển đa dạng sinh học nhằm nâng cao tính năng phòng hộ của rừng, bảo vệ môi trường, sinh thái hạn chế thiên tai. Sử dụng có hiệu quả diện tích rừng và đất rừng cho phát triển kinh tế theo hướng hiệu quả, bền vững nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn miền núi; khuyến khích nhân dân địa phương tham gia bảo vệ phát triển rừng.

4.2. Mục tiêu cụ thể

a. Mục tiêu về kinh tế

- Khai thác tiềm năng sẵn có cho trồng rừng sản xuất, phát triển trang trại lâm nông kết hợp; áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, đầu tư trồng rừng thâm canh, sử dụng bộ giống cây trồng năng suất cao để nâng cao sản lượng rừng trồng sản xuất, từ 90 m³/ha (năm 2019) đến năm 2030 bình quân 130 m³/ha. Giảm diện tích rừng nguyên liệu gỗ nhỏ, chuyển hóa thành rừng trồng gỗ lớn; đến năm 2030 có khoảng 1200 ha rừng trồng gỗ lớn cung cấp nguyên liệu cho chế biến đồ mộc dân dụng, xây dựng; khoảng 700 ha rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ rừng bền vững (FSC) nâng giá trị thu được bình quân từ 11 triệu đồng/ha lên 20 triệu đồng/ha vào năm 2030; góp phần nâng cao thu nhập, đời sống cho người làm nghề rừng.

- Chuyển từ tập quán khai thác tận dụng nguồn lâm sản ngoài gỗ như: Song mây, cây dược liệu.... sẵn có dưới tán rừng tự nhiên, sang trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, khai thác tận dụng theo hướng bền vững; nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đến năm 2030 giá trị thu được từ khai thác lâm sản phi gỗ khoảng 2,5 tỷ đồng/năm, góp phần tăng nguồn thu cho các hộ gia đình nhận khoán và người làm nghề rừng trong vùng.

- Đáp ứng yêu cầu để cung cấp dịch vụ môi trường rừng cho các nhà máy công trình thủy điện, nước sạch, các khu du lịch sinh thái; nâng nguồn thu cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn từ 503,3 triệu đồng (năm 2019) lên 1.500 triệu đồng vào năm 2030.

b. Mục tiêu về môi trường

- Quản lý bảo vệ tốt toàn bộ diện tích rừng hiện có, kết hợp nâng cao chất lượng và độ tán che của rừng góp phần giảm phát thải khí CO₂. Nâng cao tính năng phòng hộ của rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn, vùng cao biên giới; hạn chế dòng chảy gây xói mòn, sạt lở đất, điều hòa nguồn nước cho các sông, suối, hồ đập thủy lợi; làm giảm thiểu sự tàn phá của thiên tai bão, lũ, hạn hán trong bối cảnh thời tiết ngày càng khắc nghiệt, dị thường do biến đổi khí hậu gây ra.

- Nâng cao tính đa dạng sinh học của rừng; bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm, đặc biệt là các loài chim, thú đặc hữu của 2 khu rừng đặc dụng kề cận nhưng sống vắng lai trong lâm phần thuộc Ban quản lý.

c. Mục tiêu về xã hội, an ninh quốc phòng.

- Tạo nhiều công ăn việc làm cho khoảng 1.000 lao động thực hiện công tác bảo vệ rừng, phát triển sản xuất lâm nghiệp; tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người làm nghề rừng và cộng đồng dân cư địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng và giữ vững trật tự, an toàn xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn, đặc biệt là vùng cao biên giới; ổn định sinh kế người dân sống trong vùng giảm thiểu các tác động tiêu cực của người dân tới sự phát triển của rừng.

- Nâng cao trình độ quản lý bảo vệ phát triển rừng cho cán bộ viên chức và người lao động của Ban. Tăng cường hiểu biết về kỹ thuật lâm sinh, thâm canh rừng trồng; nhận thức về vai trò của rừng, bảo vệ, phát triển, khai thác lợi dụng rừng theo hướng hiệu quả bền vững cho nhân dân trong vùng;

- Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng gắn phục vụ bảo vệ và phát triển rừng với đáp ứng nhu cầu đi lại, giao lưu giữa các thôn xóm, vùng, miền...

5. Hiện trạng sử dụng đất đai, tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, công tác quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng, sản xuất kinh doanh.

a. Hiện trạng sử dụng đất đai tài nguyên rừng: Tổng diện tích đất Ban quản lý rừng phòng hộ Hương Khê đang quản lý sử dụng: 31.278 ha. Hiện trạng sử dụng như sau:

- Đất lâm nghiệp: 31.276ha, gồm: Đất có rừng 31.029 ha (*rừng tự nhiên 25.004 ha, rừng trồng 6.025ha*); đất chưa có rừng: 248 ha.

Theo quy hoạch 3 loại rừng: Đất rừng phòng hộ: 24.452 ha; đất rừng sản xuất: 6.824ha.

- Đất trụ sở Ban, các Trạm Quản lý bảo vệ rừng: 1,5 ha.

b. Đa dạng sinh học: Lâm phần Ban QLRPH Hương Khê nằm xen giữa hai khu rừng đặc dụng là Vườn quốc gia Vũ Quang và Khu bảo tồn Thiên nhiên Kẻ Gỗ. Có thể nói động thực vật rừng trong khu vực là nơi giao thoa có mặt của các loài có ở các khu rừng đặc dụng trong tỉnh; động, thực vật rừng trong phạm vi đơn vị được giao quản lý rất phong phú về thành phần và số lượng loài. Thống kê thu thập kết quả điều tra động, thực vật rừng thuộc lâm phần do Ban quản lý rừng phòng hộ Hương Khê quản lý có khu hệ động thực vật; nhiều loài thuộc danh mục quý hiếm trong sách đỏ Việt Nam và thế giới. Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng: Nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng Ban giao các Trạm bảo vệ rừng trực tiếp triển khai thực hiện.

d. Công tác sử dụng rừng và sản xuất kinh doanh:

- Toàn bộ diện tích rừng của đơn vị được sử dụng đúng mục đích theo quy định của Luật lâm nghiệp 2017.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị chủ yếu là thực hiện các nhiệm vụ công ích của đơn vị sự nghiệp công lập. Nguồn thu chủ yếu là từ ngân sách nhà nước.

6. Kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, sản xuất kinh doanh; nhu cầu vốn đầu tư, hiệu quả phương án.

a. Kế hoạch sử dụng đất.

- Chuyển mục đích sử dụng rừng: Dự kiến chuyển mục đích sử dụng rừng khoảng 13 ha, thuộc trạng thái rừng trồng và đất trồng có tái sinh, để xây dựng trạm bảo vệ rừng, đường giao thông phục vụ nhu cầu dân sinh, bảo vệ rừng, sản xuất lâm nghiệp.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng loại rừng: Chuyển khoảng 50,0 ha đất quy hoạch rừng phòng hộ sang rừng sản xuất tại xã Phú Gia, huyện Hương Khê.

b. Kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng: Tổng khối lượng diện tích đưa vào kế hoạch bảo vệ rừng cho cả giai đoạn 2021-2030 là 255.995 lượt ha/10 năm. Cụ thể: thực hiện bảo vệ rừng cho diện tích rừng tự nhiên là 247.296 lượt ha (*rừng phòng hộ: 222.522 lượt ha, sản xuất: 24.774 lượt ha*); bảo vệ rừng đối với diện tích rừng trồng là 8.699 lượt ha gồm: diện tích rừng trồng phòng hộ bằng nguồn vốn ngân sách 8.476 lượt ha, diện tích rừng trồng sản xuất là 232 lượt ha. Ngoài ra, các diện tích rừng được mới được hình thành trong quá trình thực hiện phương án đơn vị tiếp tục đưa vào kế hoạch bảo vệ rừng.

c. Kế hoạch phát triển rừng:

- Rừng phòng hộ:

+ Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung: 129 ha.

+ Nuôi dưỡng rừng tự nhiên 2.722 ha.

+ Trồng rừng lại rừng phòng hộ: 1.034 ha.

+ Chăm sóc rừng trồng (đã trồng từ năm 2020): 50 ha.

- **Rừng sản xuất:**

+ Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung: 119 ha.

+ Làm giàu rừng tự nhiên 981 ha.

+ Trồng rừng sản xuất gỗ lớn 181 ha.

+ Cấp chứng chỉ rừng FSC: Khoảng 4.000 ha rừng trồng tập trung.

d. Nhu cầu vốn đầu tư: Tổng số tiền cần thiết để đầu tư: 183.514,6 triệu đồng. Trong đó:

- Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững: 500,0 triệu đồng.

- Bảo vệ rừng: 76.798,45 triệu đồng.

- Phát triển rừng: 62.660,20 triệu đồng, gồm: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, làm giàu rừng, nuôi dưỡng rừng, trồng rừng mới (rừng sản xuất), trồng lại rừng phòng hộ, chăm sóc rừng trồng.

- Cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: 20.000 triệu đồng.

- Xây dựng cải tạo cơ sở hạ tầng; mua sắm sửa chữa trang thiết bị: 15.756,00 triệu đồng.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật 1.800 triệu đồng (*bình quân mỗi năm 200 triệu đồng*).

- Nghiên cứu khoa học, cứu hộ động vật rừng, thực vật rừng, đào tạo, tập huấn: 3.000 triệu đồng.

- Cắm mốc quy hoạch 3 loại rừng: 3.000 triệu đồng.

- Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: thực hiện theo Đề án du lịch sinh thái khi được phê duyệt.

e. Hiệu quả phương án: Hiệu quả của Phương án được thể hiện cụ thể ở báo cáo thuyết minh gồm hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường

7. Giải pháp, tổ chức thực hiện phương án.

a. Giải pháp thực hiện: Phương án đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện các nội dung của Phương án một cách cụ thể theo các nhóm giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực; giải pháp về phối hợp với các bên liên quan; giải pháp về khoa học, công nghệ; giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư và các giải pháp khác.

b. Tổ chức thực hiện: trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ và các định hướng đã nêu trong Phương án, Ban phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng, trạm và các cá nhân nhằm triển khai tốt các kế hoạch đã xây dựng cụ thể trong Phương án quản lý rừng bền vững. Có kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung cụ thể của Phương án.

8. Hồ sơ trình UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Tờ trình của Ban quản lý Rừng phòng hộ Hương Khê.
- Báo cáo thuyết minh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030.
- Bản đồ: Hiện trạng rừng năm 2021; Hiện trạng sử dụng đất năm 2021; Bản đồ Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030; hệ tọa độ VN-2000; tỷ lệ 1/50.000.

Với nội dung trên, kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng: HC-TH, KH-KT
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thượng Hải